TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 -2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thức

2. Bà Lưu Thị Tuyết

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc ***" Ly hôn "*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T1; Sinh năm 1990; (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm B, Xã C, Huyện A, Cao Bằng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nông Thị Thu Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Tô Văn T; Sinh năm 1991; (Vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Xóm B, Xã C, Huyện A, Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Tô Văn T có địa chỉ tại Xóm B, Xã C, Huyện A, Cao Bằng tổ chức lễ cưới ngày 25/10/2012, trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Cao Bằng ngày 04/12/2013.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say, không tu trí làm ăn chị đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe còn dọa đốt nhà, chăn màn …dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014 và năm 2015 hai vợ chồng sống ly thân một thời gian nhưng sau đó lại quay trở về sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung anh T vẫn không thay đổi nên đên năm 2017, chị T1 và anh T lại tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tô Quỳnh V, sinh ngày 25/10/2013. Hiện nay, con đang sống cùng với chị tại Xóm B, Xã C, Huyện A, Cao Bằng. Sau khi ly hôn con chung chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 19/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, anh Tô Vũ T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn với chị T1 đúng như chị T1 đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo anh T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014, anh T thường xuyên uống rượu nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2015 và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị T1 yêu cầu xin ly hôn anh nhất trí theo yêu cầu của chị T1.

- Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị T1 khai là đúng. Khi ly hôn, con chung anh có yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung .

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã xác minh tại cơ sở ngày 4/4/ 2019 ông Hoàng Văn T- Trưởng xóm và anh Tô Quang M - Công an viên xóm B, Xã C khẳng định là trong quá trình chung sống thời gian trong hai năm gần đây anh T có thường xuyên uống rượu say nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi cọ

và xô xát như đánh tát nhau, khi say rượu anh T có hành vi dọa nạt vợ con, sự việc xảy ra chính quyền có được đến can ngăn nhưng không lập biên bản. Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2019 của bà Nông Thị Thu Tr là trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Cao Bằng xác minh: Tại xóm hộ Anh T có bà Bế Thị C là mẹ đẻ anh T là chủ hộ, hộ gồm: Tô Văn T2 (anh trai của T), Tô Văn T và Hoàng Thị T1 (vợ của T), Tô Quỳnh V (con gái của T) gia đình thuộc hộ nghèo của xóm. Anh T nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập hàng tháng không ổn định, gia đình chỉ có mẹ là C và anh T, cả hai đều thường xuyên đi làm thuê, vắng mặt tại địa phương.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Nông Thị Thu Tr - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Cao Bằng phát biểu. Chị Hoàng Thị T1 và anh Tô Văn T kết hôn năm 2013. Đến năm 2015, giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân. Năm 2018, chị T1 nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hòa An yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân, anh T nhất trí thuận tình ly hôn với chị T1.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T1 và anh T cùng thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung cũng không có vay nợ chung.

Về nuôi con chung: Chị T1 và anh T có 01 con chung. Cả hai bên đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hòa An giải quyết cho chị T1 được quyền trực tiếp nuôi con với các lý do sau:

Thứ nhất, anh T và mẹ đẻ của T hiện nay đều không có mặt tại địa phương. Con chung của anh T và chị T1 hiện đang do ông bà ngoại nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T1 trình bày, sang năm học mới chị sẽ về nhà và trực tiếp chăm sóc cháu.

Thứ hai, nghề nghiệp của anh T là làm ruộng, thỉnh thoảng có đi làm thuê nhưng anh T không chứng minh được thu nhập ổn định. Trong khi đó, chị T1 có thu nhập ổn định, lương dao động từ 4.000.000đ đến 6.000.000đ, đảm bảo sinh hoạt cho chị T1 và cháu V.

Thứ ba, anh T thường xuyên uống rượu, sau đó, gây sự và mắng chửi mẹ, vợ. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi.

Thứ tư, cháu V còn nhỏ và là con gái nên việc để cháu cho mẹ chăm sóc là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển cho cháu.

Với những phân tích trên, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 235, 266, 267, 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51, 55 ,58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn anh Tô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu về quan hệ hôn nhân anh nhất trí ly hôn, tuy nhiên khi ly hôn con chung anh có yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T1 kết hôn với anh Tô Văn T, địa chỉ: Xóm B, Xã C, Huyện A, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện A, Cao Bằng. Nay, chị T1 khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện A, Cao Bằng vào ngày 04/12/2013 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T1 và anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Chị T1 khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ với lý do anh T thường xuyên uống rượu say, không tu trí làm ăn chị đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe còn dọa đốt nhà, chăn màn …dẫn đến tình cảm vợ

chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014 và năm 2015 hai vợ chồng sống ly thân một thời gian nhưng sau đó lại quay trở về sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung anh T vẫn không thay đổi nên đên năm 2017, chị T1 và anh T lại tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, phía anh T cũng nhất trí ly hôn. Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T đã không thể tiếp tục được nữa, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được cả chị T1 và anh T nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị T1, anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T1 và anh T có một con chung tên Tô Quỳnh V, sinh ngày 25/10/2013. Hiện nay, con đang ở với chị T1 tại xóm B, Xã C, Huyện A, Cao Bằng. Chị T1, anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét về điều kiện: Con chung hiện nay còn nhỏ, cháu giới tính nữ và hiện nay đang sống cùng mẹ. Mặt khác, chị T1 hiện đi làm công nhân tại Công ty TNHH Goe rtek Vi Na Địa chỉ: Lô K-08, LO6-KCN V – Huyện N- TP N – Bắc Ninh, có thu nhập lương cơ bản là 3.750.000đ/tháng, ngoài ra còn có thêm tiền làm thêm giờ tổng mức lương trung bình từ 4.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng, đảm bảo sinh hoạt cho chị T1 và cháu V. Hiện nay con chung đang ở với bố mẹ đẻ chị nuôi dưỡng chăm sóc đưa đón cháu đi học, Tại phiên tòa chị T1 có ý kiến vào năm học mới chị T1 về nhà trực tiếp chăm sóc cháu, nên việc giao cho chị T1 là phù hợp hơn đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục tâm sinh lý của cháu được tốt nhất.

Đối với anh T nghề nghiệp làm ruộng, anh đi làm thuê, không chứng minh được mức thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo. Mặt khác, anh và mẹ đẻ là bà C thường xuyên vắng nhà. Qua xác minh tại cơ sở là trưởng xóm và công an viên cùng xác nhận hiện tại anh T và mẹ đẻ hiện nay không có mặt tại địa phương. Do đó, yêu cầu của anh T không được chấp nhận.

Như vậy, sau khi ly hôn con chung sẽ giao cho chị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị T1 không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 và anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Nông Thị Thu Tr - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Cao Bằng phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hoàng Thị T1 đối với anh Tô Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Tô Quỳnh V, sinh ngày 25/10/2013 cho chị Hoàng Thị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh Tô Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của T1 về việc chị T1 không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh T cùng xác nhận không có tài sản chung và vay, nợ chung vợ chồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/02349 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An - Cao Bằng. Nay, xác nhận chị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS huyện Hoà An;
- UBND xã C;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong